

# Đánh giá kết quả thực nghiệm Chương trình thể dục nghề cho sinh viên hệ sư phạm Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Nguyễn Đình Tuấn\*, Lê Anh Thơ\*

\*ThS. Khoa Đại cương - Ngoại ngữ - QPAN, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Received: 22/6/2024; Accepted: 28/6/2024; Published: 6/7/2024

**Abstract:** To improve the content of the physical education program in accordance with the goals and scale of training, the Ministry of Education and Training has developed the content of the physical education program for a number of specific and appropriate occupations. with the goal of vocational training, with the characteristics and properties of vocational groups. To understand the effectiveness of the program after implementation, we surveyed the experimental results of the vocational physical education program for pedagogical students at Vinh University of Technical Education.

**Keywords:** Experimental results, vocational physical education program, students, pedagogical system

## 1. Đặt vấn đề

Xu hướng phát triển của thể dục thực dụng nghề nghiệp được coi là một trong những vấn đề cơ bản của hệ thống giáo dục thể chất trong các trường dạy nghề và các trường đại học hiện nay nói chung trên thế giới và ở Việt nam nói riêng.

Thể dục nghề nghiệp là một nội dung giáo dục thể chất áp dụng thực tiễn ngay trong từng hoạt động lao động sản xuất phù hợp với từng ngành nghề cụ thể, giữ một vai trò to lớn và quan trọng trong việc đào tạo kỹ sư trẻ, công nhân lành nghề, các nhà sư phạm giỏi, phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước ta hiện nay. Bài viết đánh giá kết quả thực nghiệm chương trình thể dục nghề cho sinh viên (SV) hệ sư phạm Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổ chức thực nghiệm (TN)

Với mục đích xác định hiệu quả thiết kế chương trình thể dục nghề cho SV hệ sư phạm, chúng tôi tiến hành TN 162 SV K.17 khoa Cơ khí chế tạo, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh. Đối tượng TN được chia thành 2 nhóm ngẫu nhiên và đồng nhất về mọi điều kiện

a. *Nhóm TN:* là SV khoa Cơ khí chế tạo K.17 bao gồm các lớp Chế tạo máy A, B, C với tổng số 162 SV, học theo chương trình mà chúng tôi biên soạn.

b. *Nhóm đối chứng (ĐC):* là SV khoa Cơ khí chế tạo K.17 bao gồm các lớp Lắp đặt thiết bị cơ khí A, B, C với tổng số 162 SV, học theo chương trình hiện hành của nhà trường.

- Trong quá trình TN, hai nhóm được tiến hành

đồng thời cùng thời gian bắt đầu và kết thúc như nhau, các nội dung kiểm tra đánh giá như nhau, với các điều kiện cơ sở vật chất sân bãi dụng cụ như nhau. Trong đó, nhóm ĐC SV học tập theo chương trình hiện hành của nhà trường, nhóm TN được học tập theo chương trình thể dục nghề cho SV hệ sư phạm.

- Các Test mà bài viết sử dụng để đánh giá tố chất thể lực nhằm so sánh trình độ thể lực ban đầu giữa hai nhóm đã được lựa chọn bao gồm: (1) Test 1: Chạy 30m XPC (s); (2) Test 2: Bật xa tại chỗ (m); (3) Test 3: Nằm sấp chống đẩy (lần); (4) Test 4: Chạy 800m (phút).

### 2.2. Kết quả kiểm tra trước TN

Để quá trình TN mang tính khách quan, trước khi TN, tác giả tiến hành kiểm tra thể lực ở cả hai nhóm ĐC và nhóm TN thông qua 4 Test ở trên. Kết quả ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Kết quả so sánh thể lực ban đầu của nhóm ĐC và nhóm TN

TT	Test	Nhóm TN		Nhóm ĐC		T	p
		$\bar{X}$	$\delta^2$	$\bar{X}$	$\delta^2$		
	Tổ chất thể lực	n = 162		n = 162			
1	Chạy 30m XP cao (giây)	5.08	0.40	5.16	0.29	1.22	>0.05
2	Bật xa tại chỗ (mét)	2.27	0.13	2.30	0.15	0.72	>0.05
3	Nằm sấp chống đẩy (lần)	28.71	25.44	29.51	21.26	1.49	>0.05
4	Chạy 800m (phút)	3.08	0.16	3.12	0.18	0.87	>0.05

Bảng 2.1 cho thấy:

- Ở Test chạy 30m xuất phát cao  $T_{\text{tính}} = 1,22 < t_{\text{bảng}} = 2$  sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là

không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P > 0,05$ .

- Ở Test bật xa tại chỗ  $T_{tính} = 0,72 < t_{bảng} = 2$  sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P > 0,05$ .

- Ở Test nằm sấp chống đẩy  $T_{tính} = 1,49 < t_{bảng} = 2$  sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P > 0,05$

- Ở Test chạy 800m  $T_{tính} = 0,87 < t_{bảng} = 2$  sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P > 0,05$

Kết quả kiểm tra các tố chất thể lực ban đầu theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cho thấy sự khác biệt về các tố chất thể lực giữa hai nhóm TN và ĐC là không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P > 0,05$ . Hay nói cách khác, trình độ thể lực của SV ở giai đoạn trước TN là tương đương nhau.

Sau khi có kết quả đánh giá về trình độ thể lực ban đầu của hai nhóm TN và ĐC là tương đương nhau, chúng tôi tiến hành tổ chức TN đối với SV khoa Cơ khí chế tạo K.17 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

### 2.3. Kết quả kiểm tra sau TN

Để kiểm nghiệm hiệu quả của chương trình TN đối với SV Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, tác giả tiến hành TN trong thời gian 1 năm (tính theo năm học).

Sau quá trình TN (Học kỳ I năm học) trên nhóm SV Khoa Cơ khí chế tạo, chúng tôi tiến hành kiểm tra ở cả hai nhóm ĐC và TN. Kết quả kiểm tra ở bảng 2.2.

Bảng 2.2. Kết quả học tập của nhóm ĐC và nhóm TN sau khi kết thúc học kỳ I

TT	Nội dung đánh giá	Nhóm TN (n=162)		Nhóm ĐC (n=162)		T	P
		$\bar{x}_a$	$\delta_a^2$	$\bar{x}_b$	$\delta_b^2$		
1	Điểm học kỳ I	6,44	2,19	5,36	2,40	6.41	$\leq 0.05$

Kết quả thu được ở bảng 2.2 cho thấy:  $T_{tính} = 6.41 > t_{bảng} = 2$  KL sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất  $p \leq 0,05$

Như vậy, giữa nhóm TN và nhóm ĐC đã có sự thay đổi rõ rệt về kết quả học tập sau một học kỳ. Số liệu so sánh giữa nhóm 1 và nhóm 2 được xử lý bằng phương pháp toán học thống kê đã xác nhận điều này. Điều đó chứng tỏ, chương trình môn GDTC của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh theo hướng chương trình thể dục nghề mà chúng tôi xây dựng bước đầu đã có tác động tích cực tới thành tích học tập môn học này của SV.

Bên cạnh đó, bằng phương pháp quan sát sự phạm, và phương pháp phỏng vấn trực tiếp đối với SV và GV trực tiếp giảng dạy chương trình TN, chúng tôi đã nhận thấy rằng với chương trình này đã kích thích được tích tự giác tích cực của SV trong quá trình học tập. Theo đánh giá của các GV, đa số SV đều rất hăng say tập luyện theo chương trình thể dục nghề. Vì vậy đây cũng là quá trình kích thích ngược trở lại đối với các GV lên lớp, chính sự tích cực, hăng say tập luyện của SV đã truyền thêm nguồn cảm hứng và sự nhiệt tình cao độ của các thầy, cô lên lớp, từ đó tạo ra được chất lượng và hiệu quả của giờ học GDTC.

Kết thúc học kỳ I, đề tài tiếp tục tổ chức TN ở học kỳ II năm học. Sau thời gian TN 1 năm, để mang tính khách quan, tác giả tiếp tục tiến hành kiểm tra thể lực ở cả hai nhóm ĐC và nhóm TN thông qua 4 Test kiểm tra thể lực. Kết quả thu được ở bảng 2.3.

Bảng 2.3. Kết quả so sánh thể lực của nhóm ĐC và nhóm TN sau khi kết thúc học kỳ II

TT	Test	Nhóm TN		Nhóm ĐC		T	p
		$\bar{X}$	$\delta^2$	$\bar{X}$	$\delta^2$		
	Tổ chất thể lực	n = 162		n = 162			
1.	Chạy 30m XP cao (giây)	4.95	0.32	5.13	0.30	2.91	$\leq 0.05$
2.	Bật xa tại chỗ (mét)	2.42	0.11	2.32	0.19	2.32	$\leq 0.05$
3.	Nằm sấp chống đẩy (lần)	33.04	20.25	30.16	32.04	5.06	$\leq 0.05$
4.	Chạy 800m (phút)	2.96	0.15	3.08	0.22	2.51	$\leq 0.05$

Kết quả phân tích ở bảng 2.3 cho thấy:

- Ở Test chạy 30m xuất phát cao  $T_{tính} = 2.91 > t_{bảng} = 2$  sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P \leq 0,05$

- Ở Test bật xa tại chỗ  $T_{tính} = 2.32 > t_{bảng} = 2$  sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P \leq 0,05$

- Ở Test nằm sấp chống đẩy  $T_{tính} = 5,06 > t_{bảng} = 2$  sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P \leq 0,05$

- Ở Test chạy 800m  $T_{tính} = 2.51 > t_{bảng} = 2$  sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P \leq 0,05$ .

Tóm lại: Kết quả kiểm tra các tố chất thể lực sau quá trình TN theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể ở bảng 2.3 cho thấy sự khác biệt về các tố chất thể lực giữa hai nhóm TN và ĐC là có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất  $P < 0,05$ . Hay nói cách khác, trình độ thể lực của SV ở giai đoạn sau TN là có sự khác biệt.

Từ kết quả thể lực của nhóm ĐC và nhóm TN thu được, tác giả tiến hành phân tích kết quả học tập của SV, kết quả học tập được trình bày ở bảng 2.4.

**Bảng 2.4. Kết quả học tập của nhóm ĐC và nhóm TN sau khi kết thúc học kỳ II**

TT	Nội dung đánh giá	Nhóm TN (n = 162)		Nhóm ĐC (n = 162)		T	P
		$\bar{x}_a$	$\delta_a^2$	$\bar{x}_b$	$\delta_b^2$		
1	Điểm học kỳ II	6,79	2,26	5,78	1,69	6,47	$\leq 0,05$

Bảng 2.4 cho thấy:  $T_{\text{tính}} = 6,47 > t_{\text{bảng}} = 2$  KL sự khác biệt giữa nhóm ĐC và nhóm TN là có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất  $p \leq 0,05$ .

Song song với việc kiểm tra các tổ chất thể lực, để có được sự đánh giá khách quan từ phía người học và người dạy. Tác giả tiến hành phỏng vấn và tổng hợp ý kiến đánh giá của SV và GV về những biểu hiện của SV trong học tập chương trình mới về các nội dung và kết quả thu được ở bảng 2.5

**Bảng 2.5. Tổng hợp ý kiến đánh giá của SV và GV về những biểu hiện của SV trong học tập chương trình mới (n = 160)**

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn (số ý kiến)		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
	Những biểu hiện của SV khi học tập môn học GDTC theo định hướng nghề			
1	Tự giác và tích cực trong các giờ học	147	13	
2	Học tập với sở thích và đam mê	115	45	
3	Tích cực rèn luyện ngoài giờ học theo yêu cầu của môn học	113	47	
4	Coi GDTC là môn học có ý nghĩa thiết thực đối với sức khỏe và nghề nghiệp	132	28	
5	Nội dung chương trình phù hợp với khả năng và điều kiện của SV sư phạm	140	20	
6	Trình độ thể lực của SV được cải thiện đáng kể	149	11	
7	Phát huy được năng lực của SV, giúp SV có được một đến hai môn thể thao để rèn luyện suốt đời	124	36	

Kết quả phân tích và tổng hợp ở bảng 2.5 cho thấy:

- SV tự giác và tích cực trong các giờ học: Có 91,88% ý kiến đồng ý, có 8,12% ý kiến không đồng ý.

- Học tập với sở thích và đam mê: Có 71,88% ý kiến đồng ý, có 28,12% ý kiến không đồng ý.

- Tích cực rèn luyện ngoài giờ học theo yêu cầu của môn học: Có 70,63% ý kiến đồng ý, có 29,37% ý kiến không đồng ý.

- Coi GDTC là môn học có ý nghĩa thiết thực đối với sức khỏe và nghề nghiệp: Có 82,50% ý kiến đồng ý, có 17,50% ý kiến không đồng ý.

- Nội dung chương trình phù hợp với khả năng và điều kiện của SV sư phạm: Có 87,50% ý kiến đồng ý, có 12,50% ý kiến không đồng ý.

- Trình độ thể lực của SV được cải thiện đáng kể: Có 93,13% ý kiến đồng ý, có 6,87% ý kiến không đồng ý.

- Phát huy được năng lực của SV, giúp SV có được một đến hai môn thể thao để rèn luyện suốt đời: Có 77,50% ý kiến đồng ý, có 22,50% ý kiến không đồng ý.

Như vậy, sau học kỳ II năm học 2023 – 2024 căn cứ vào kết quả thống kê trên chúng ta có thể khẳng định rằng, chương trình mà đề tài xây dựng đã có tác dụng rất rõ rệt đến thái độ và thành tích học tập của nhóm TN so với nhóm ĐC.

### 3. Kết luận

Kết quả TN cho thấy chương trình thể dục nghề được thiết kế có tác động tốt đến hoạt động giảng dạy và học tập môn GDTC của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, cụ thể là: SV đã có ý thức lựa chọn nội dung các môn thể thao phù hợp với yêu cầu của ngành sư phạm. Nội dung học tập các môn học đáp ứng được yêu cầu công tác sau khi ra trường. Các môn học đã giúp tăng cường thể lực và kết quả học tập. Không khí phấn đấu, tinh tự giác và tích cực trong học tập được nâng cao trong các giờ học. Chương trình thể dục nghề được các GV và cán bộ quản lý tán đồng, đánh giá có tính khả thi cao. Kết quả TN khẳng định chương trình thể dục nghề có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn, đáp ứng nguyện vọng của đa số SV trong quá trình lựa chọn môn học mà bản thân yêu thích.

### Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1989), *Quyết định 203/QĐ TDTT ngày 23-01-1989 về Chương trình giáo dục thể chất trong các trường đại học*, Hà Nội.

[2]. Phạm Danh Tôn (1990), *Vấn đề phân nhóm nghề trong xây dựng chương trình môn học GDTC cho các trường dạy nghề và sư phạm kỹ thuật*, Tuyển tập NCKH TDTT, NXB TDTT, Hà Nội.

[3]. Phạm Danh Tôn (1995), *Lý luận phương pháp GDTC*, NXB TDTT, Hà Nội.

[4]. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, NXB TDTT, Hà Nội.

[5]. Tổng cục TDTT - Tổng cục dạy nghề (1986), *Thông tư Liên tịch số 08/LB-DN-TDTT ngày 24-12-1986 về công tác TDTT trong các trường dạy nghề và sư phạm kỹ thuật*, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Đức Văn (1987), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

[7]. Vũ Đức Thu và cộng sự (1998), *Đánh giá thực trạng công tác GDTC và phát triển TDTT trong nhà trường các cấp*, (Tuyển tập nghiên cứu khoa học - GDTC sức khỏe), NXB TDTT, Hà Nội.